

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 26 tháng 01, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	VAB	23/01/2026	11.2	2.679.700	575.233	4.66
2	BVB	23/01/2026	14.4	10.908.800	2.627.167	4.15
3	PLC	23/01/2026	32.3	2.052.900	562.653	3.65
4	TDP	23/01/2026	30.9	614.200	200.843	03.06
5	VOS	23/01/2026	14.1	3.865.500	1.261.343	03.06
6	TCX	23/01/2026	55.6	8.312.200	3.058.853	2.72
7	VGI	23/01/2026	116	3.382.500	1.269.653	2.66
8	QTP	23/01/2026	12.59	925.900	381.253	2.43
9	EVF	23/01/2026	11.75	8.941.300	3.773.670	2.37
10	VNM	23/01/2026	67.2	16.050.400	6.814.204	2.36
11	ANV	23/01/2026	26.9	2.829.000	1.203.550	2.35
12	VCI	23/01/2026	35.9	23.579.600	10.123.220	2.33
13	VDS	23/01/2026	17.5	2.463.100	1.111.713	2.22
14	PNJ	23/01/2026	112.4	2.202.500	1.040.623	2.12
15	IDC	23/01/2026	45.5	5.655.100	2.663.167	2.12
16	MIG	23/01/2026	18.1	783.300	375.710	02.08
17	ORS	23/01/2026	13.45	2.175.600	1.120.747	1.94
18	AAS	23/01/2026	10.7	5.454.400	2.822.987	1.93
19	DXP	23/01/2026	11.6	596.700	313.353	1.9
20	BSR	23/01/2026	20.65	40.730.800	21.551.414	1.89
21	FOX	23/01/2026	90.8	998.000	530.813	1.88
22	BCM	23/01/2026	69.3	1.968.300	1.070.633	1.84
23	GMD	23/01/2026	68.5	2.548.100	1.399.700	1.82
24	PLX	23/01/2026	54.6	12.328.300	6.890.430	1.79
25	OIL	23/01/2026	14.2	8.378.600	4.764.700	1.76
26	HDC	23/01/2026	21.8	5.809.700	3.361.560	1.73
27	GEG	23/01/2026	15	595.500	359.263	1.66



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	23/01/2026	8	1.694.540	49.3	7.77	2.92
2	AAS	23/01/2026	10.7	3.159.570	60.81	10.24	4.54
3	ACB	23/01/2026	25.05	15.511.090	57.85	23.76	5.43
4	ACV	23/01/2026	59.4	4.745.590	59.9	56.71	4.74
5	AGR	23/01/2026	16.25	2.205.950	45.89	16.13	0.76
6	BCM	23/01/2026	69.3	2.154.420	48.95	65.14	6.38
7	BVB	23/01/2026	14.4	5.157.310	64.83	13.64	5.61
8	CMG	23/01/2026	36	756.690	59.12	34.49	4.39
9	CTR	23/01/2026	96	1.722.960	52.55	89.86	6.83
10	DBC	23/01/2026	28.15	7.358.000	54.58	27.07	3.97
11	DCM	23/01/2026	36.05	4.514.570	58.49	34.55	4.34
12	DPG	23/01/2026	44.95	1.149.030	69.32	42.07	6.84
13	DRI	23/01/2026	12.2	1.862.870	40.26	12.12	0.7
14	FPT	23/01/2026	101	12.061.460	54.53	99.48	1.53
15	HAH	23/01/2026	57.7	2.462.500	45.84	56.15	2.77
16	HNG	23/01/2026	6.4	8.787.670	52.02	6.15	04.03
17	HPG	23/01/2026	26.75	48.457.120	48.1	25.55	4.71
18	HUT	23/01/2026	15.8	1.628.630	46.42	15.68	0.76
19	KHG	23/01/2026	7	21.187.170	47.71	6.71	4.26
20	LCG	23/01/2026	10.4	2.824.370	49.78	10.11	2.87
21	LPB	23/01/2026	42.4	2.099.830	46.88	40.55	4.57
22	MSB	23/01/2026	12.45	7.817.520	46.47	11.79	5.56
23	MSN	23/01/2026	79	9.020.110	52.79	74.91	5.46
24	NAB	23/01/2026	14.55	1.547.800	48.91	14.4	01.03
25	NKG	23/01/2026	15.35	6.875.260	48.63	15.23	0.77



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu



Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	DCL	53.8	53.5	630.120
2	POM	7.9	7.41	2497500
3	TCX	55.6	54.5	3.706.060

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	BVB	14.4	14.3	5.157.310
2	DSE	25.2	24.8	583.390

Vượt đỉnh phá đáy

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	BTP	8.31	8.5	175.620
2	CRE	7.9	08.02	341.920
3	CTP	6.2	06.05	103.610
4	DSN	41.5	42.15	14.430
5	KHP	12	12.1	29.650
6	LDP	8.8	9.4	134.790
7	NVB	13	13.2	374.730
8	PGN	5.7	6	14.550
9	TVC	8.4	8.5	114.990
10	VEF	114	114.5	35.720
11	VMC	5.4	5.5	20.840
12	VPR	7.8	7.84	13.150

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BTP	8.31	8.2	175.620
2	CTP	6.2	6.2	103.610
3	DSN	41.5	41.5	14.430
4	LDP	8.8	8.8	134.790
5	SVN	2.4	2.4	171.380



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	OGC	4.27	4.15	819.590

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	RYG	10.7	10.44	670.150
2	VAB	11.2	10.71	841.550
3	VFS	15.7	15.52	2546100
4	VND	19.4	19.34	22.054.580

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CRC	09.06	09.04	879.000
2	ORS	13.45	13.31	1.451.360
3	VAB	11.2	10.52	841550
4	VIC	165.4	164.89	4.867.150



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BMI	18.55	18.72	844.320
2	CH	18.6	19.13	18.591.550
3	CTI	23.45	23.46	566020
4	DDV	27.7	27.9	2.098.550
5	EVF	11.75	11.96	5.472.540
6	TTN	17.2	17.24	563.330
7	VPI	54.7	54.8	2.132.520
8	VSC	21.85	22.07	12.177.010
9	YEG	12.05	12.85	1.994.640

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	AGG	14.7	15.03	518.360
2	HPG	26.75	26.81	48.457.120
3	HSG	16.35	16.36	5237300
4	HVN	27.65	27.83	2.874.310
5	MSB	12.45	12.55	7.817.520
6	NTP	63.6	63.74	974.600
7	QCG	14.15	14.58	745.910
8	TTN	17.2	17.62	563.330
9	VPB	28.5	28.81	36069840

Phá vỡ các đường trung bình

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CEO	19.04	20.18	16.886.510
2	DRH	2.13	2.21	532.440
3	HAH	57.7	58.51	2462500
4	HDC	21.8	21.96	4.401.340
5	HDG	26.3	26.74	2.784.260
7	HPG	26.75	26.82	48457120
8	HUT	15.8	15.85	1628630
9	IDJ	4.7	4.86	601580
10	IJC	10.85	10.89	4156820
11	MIG	18.1	18.61	668240
12	MSB	12.45	12.53	7817520
13	NAB	14.55	14.57	1547800
14	NLG	29.7	30.51	3785390
15	NTL	17.8	18.23	1772340
16	PET	33.2	34.3	2461010
17	PVB	35.5	35.81	504180
18	PVD	27.6	28.92	9000400
19	PVP	14.65	14.65	700130
20	PVT	19.85	19.87	6544860
21	QCG	14.15	14.36	745910
22	SBS	6.1	6.13	1303350
23	TPB	17.25	17.33	13732920
24	TTF	03.05	03.06	1597600
25	TTN	17.2	17.54	563330
26	VCG	22.8	22.81	6025100
27	VEA	35.7	35.74	3026060



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	23/01/2026	14.15	13.95	14.3	2.51	48,460
2	ODE	23/01/2026	46	45.3	46.8	3.31	18,540
3	RAL	23/01/2026	95	90.5	95.4	5.41	9,720
4	SMB	23/01/2026	39.4	38.85	40.95	5.41	15,300
5	CLL	23/01/2026	30.7	30.1	31.9	5.98	14,140
6	HMC	23/01/2026	11.55	11.25	12	6.67	9,500
7	USD	23/01/2026	18	17.3	18.5	6.94	5,120
8	CHP	23/01/2026	28.35	28	29.95	6.96	80,360
9	VSH	23/01/2026	44.3	41.91	45	7.37	6,020
10	VPD	23/01/2026	26.15	24.95	26.8	7.41	11,420
11	SCG	23/01/2026	64.9	62.1	66.8	7.57	25,020
12	SHP	23/01/2026	34.4	33	35.6	7.88	13,560
13	CLH	23/01/2026	21.5	20.9	22.6	8.13	5,220
14	PMB	23/01/2026	10.1	9.7	10.5	8.25	5,140
15	PPC	23/01/2026	10.1	9.6	10.4	8.33	448,860
16	SSB	23/01/2026	17.65	16.6	18	8.43	2,251,620
17	DRL	23/01/2026	45.9	45.8	49.78	8.69	13,520
18	TDC	23/01/2026	11.55	11.25	12.25	8.89	172,660
19	GDT	23/01/2026	19.75	18.75	20.42	8.91	12,780
20	TCL	23/01/2026	35.2	33.3	36.35	9.16	33,780
21	HTG	23/01/2026	43.95	42	46	9.52	19,360
22	NAB	23/01/2026	14.55	13.95	15.3	9.68	1,229,520
23	BMS	23/01/2026	13.3	12.4	13.6	9.68	149,080
24	SBA	23/01/2026	30	27.5	30.2	9.82	22,900
25	BSA	23/01/2026	22.8	21.3	23.1	9.84	7,740
26	NTC	23/01/2026	155.9	152.2	167.3	9.92	32,120



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009